



Công ty Cổ phần
Tập đoàn 911

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024





MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	04
Điểm nhấn năm 2024	06
Giải thưởng tiêu biểu	06
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	07
01 THÔNG TIN CHUNG	
Thông tin chung về doanh nghiệp	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh	13
Giới thiệu Ban lãnh đạo	14
Vị thế	19
Định hướng phát triển	20
Rủi ro	24
02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2024	
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tổ chức và nhân sự	32
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	36
Tình hình tài chính	37
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024	44
Tình hình tài chính	46
Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lí	47
Kế hoạch phát triển trong tương lai	48
Đánh giá liên quan đến trách nhiệm với môi trường & xã hội	49

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty	52
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	52
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	53

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Hội đồng quản trị	56
Ban kiểm soát	60
Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ, BKS	61
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	63

06 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
Mục tiêu phát triển bền vững	66
Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của công ty	67

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
	70

THÔNG điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (NOI), tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự sụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Kinh tế Việt Nam duy trì được sự tăng trưởng đáng ghi nhận, GDP năm 2024 tăng 7,09% thuộc nhóm số ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Động lực chính đến từ hoạt động xuất khẩu khi giá trị đạt 405,5 tỷ USD tăng 14,3% so với cùng kỳ. Trong năm Ngân hàng Nhà nước đã linh hoạt trong việc ứng phó với áp lực tỷ giá. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,63% hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, chính sách tài khóa gặp khó khăn khi giải ngân đầu tư công đến cuối năm 2024 chỉ đạt 72,9% theo kế hoạch, đặc biệt là việc chậm tiến độ xảy ra tại các dự án giao thông trọng điểm quốc gia.

Với định hướng **“NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM - CÙNG CỐ NIỀM TIN KHÁCH HÀNG”**, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty đã chủ động, nỗ lực học hỏi, phấn đấu không ngừng vượt qua các khó khăn, biến thách thức thành cơ hội thông qua việc triển khai nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt trong điều hành, chủ động đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án, các lĩnh vực kinh doanh của Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Kết thúc năm 2024, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 802 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 18,03 tỷ đồng hoàn thành 100% kế hoạch đề ra và tăng 7% so với cùng kỳ.

Nhờ nỗ lực chung của Ban lãnh đạo và người lao động, các dự án của Công ty được thực hiện đúng tiến độ. Doanh thu từ hoạt động cung cấp máy móc phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu. Dự án taxi điện giao cho công ty con đảm nhận, dự kiến sẽ đưa vào khai thác từ tháng 04/2025.

Công ty đánh giá giai đoạn 2025-2026 là giai đoạn phát triển mới. Vì vậy, Công ty đã thực hiện xây dựng các chiến lược và giải pháp kinh doanh kỹ lưỡng, đảm bảo thành công nâng tầm công ty lên tầm cao mới, vị thế mới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành với chúng tôi trong thời gian qua và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!



ĐIỂM NHẤN NĂM 2024



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Top 7 đại lý có thời gian hợp tác lâu nhất với XCMG
Tối ngày 27/11/2024, tại buổi tiệc triển lãm BAUMA, Tập đoàn 911 đã vinh dự được nhận giải thưởng cao quý từ Tập đoàn XCMG. Giải thưởng này khẳng định mối quan hệ bền chặt, hiệu quả và đáng tin cậy giữa hai bên.



Top 20 đại lý xuất sắc nhất trên tổng số 300 đại lý toàn cầu của XCMG
Minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ và cam kết của 911 trong việc mang đến giá trị tốt nhất cho khách hàng. Với những thành tựu đạt được tại BAUMA 2024, Tập đoàn 911 tiếp tục đặt mục tiêu đồng hành cùng XCMG để mang đến các giải pháp công nghệ đột phá, đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam.

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành nhà cung cấp máy xây dựng thuận tiện nhất Việt Nam



Sứ mệnh

Tiết kiệm thời gian cho khách hàng, đối tác



Giá trị cốt lõi



Con người tốt

Lương thiện, chính trực, tận tâm, chuyên nghiệp, Khỏe về thể chất, mạnh mẽ về tinh thần phụng sự khách hàng



Sản phẩm tốt

Chất lượng, phù hợp với nhu cầu sử dụng và điều kiện khí hậu Việt Nam



Dịch vụ tốt

Kịp thời, chuyên nghiệp, tận tâm, cam kết dài hạn



Giá cả tốt

Hiệu quả, hợp lý, tối ưu nhất cho khách hàng khách hàng

6 **NOI**
Báo cáo thường niên 2024

Báo cáo thường niên 2024 **NOI** 7

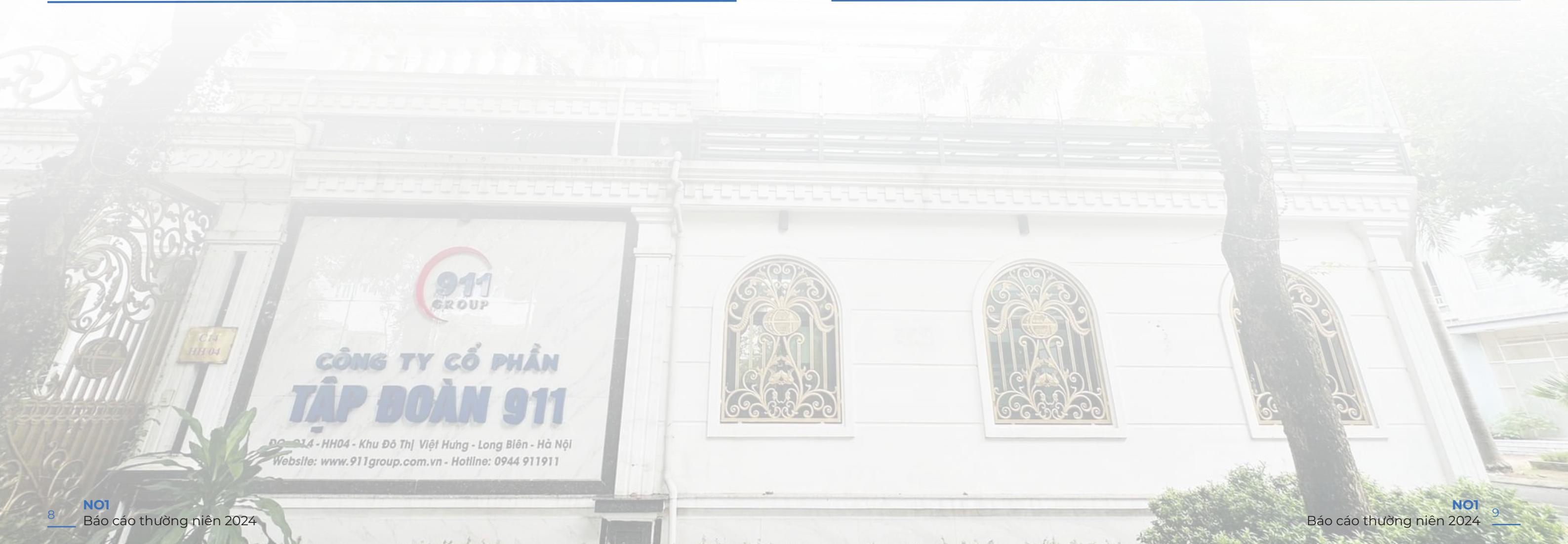
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty cổ phần tập đoàn 911
Giấy chứng nhận ĐKDN	0105207386
Vốn điều lệ	240.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Thôn Phù Dực 1, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại	0944911911
Website	https://911group.com.vn/
Mã cổ phiếu	NO1

Logo



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2011

Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (911 Group JSC) tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị Nền móng 911, được thành lập ngày 22/03/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105207386 bởi những sáng lập viên có trên 15 năm kinh nghiệm về kinh doanh, quản lý, khai thác các thiết bị thi công công trình. Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 3 tỷ đồng, tương đương 300.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

2016

Công ty trở thành đại lý phân phối chính thức các sản phẩm của hãng XCMG (Xuzhou Construction Machinery Group Co.,Ltd) tại Việt Nam. Công ty trở thành đại lý phân phối chính thức các sản phẩm của hãng Atom (Zton Group Corporation) tại Việt Nam. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 45 tỷ đồng, đồng thời đổi tên Công ty thành Công ty Tập đoàn 911 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105207386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2016.

2017

Công ty trở thành đại lý phân phối chính thức các sản phẩm của hãng KCP (KCP Heavy Industries) tại Việt Nam. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105207386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 19/7/2017 tiến hành thuê thêm mặt bằng tại địa chỉ số 8 đường Võ Nguyên Giáp. KP. Vườn Dừa, phường Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để làm kho bãi khu vực miền Nam. Hướng tới mục tiêu trở thành nhà phân phối các sản phẩm máy móc, thiết bị công trình hàng đầu trên phạm vi cả nước.

2021

Ngày 15/12/2021, Công ty chính thức nhận “Giấy chứng nhận đăng ký chào bán lần đầu ra công chúng” theo công văn số 285/GCN-UBCK ngày 15/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước nâng quy mô vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

2022

Tháng 01/2022, Công ty hoàn tất việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 291/UBCK-QL-CB ngày 14/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Tới tháng 11/2022, Công ty hoàn thành thủ tục chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán theo thông báo số 2065/TB-SGDHCM ngày 18/11/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

2023

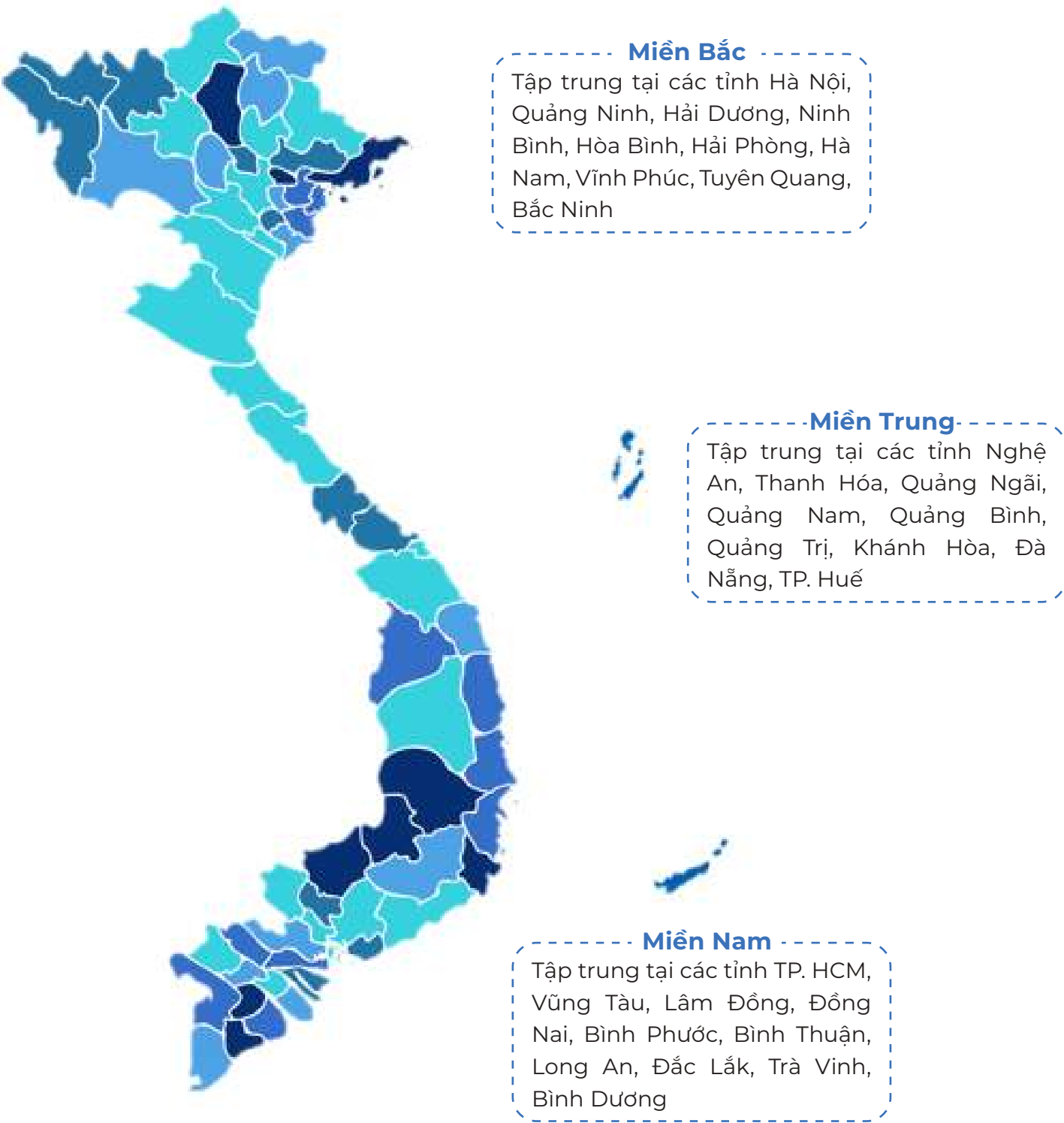
Ngày 20/12/2023 Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện 5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)

2024

Ngày 22/06/2024 Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Ngày 23/11/2024 Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024. Ngày 20/12/2024 Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện 5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng).

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 trải dài khắp cả nước từ Bắc vào Nam



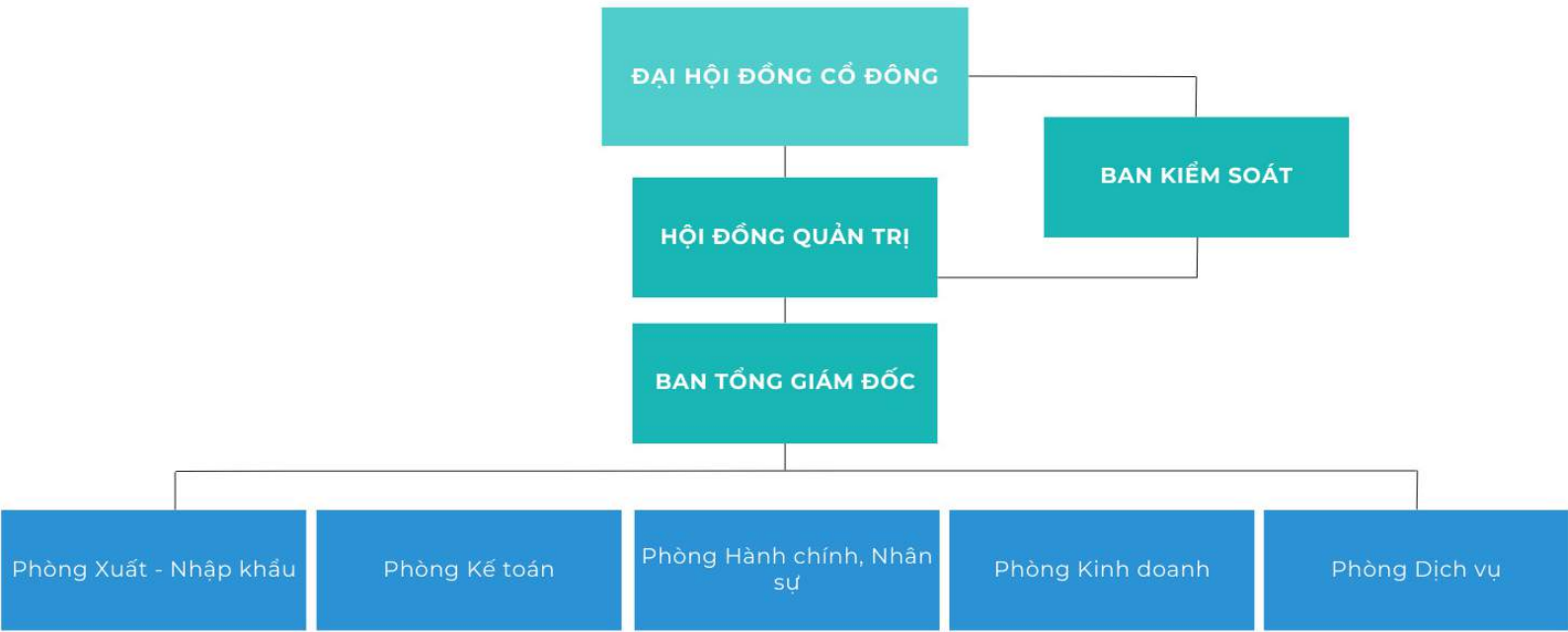
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh:
- Kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nâng hạ, cần cẩu, thiết bị bơm, trộn bê tông, thiết bị hạ tầng và thiết bị trong lĩnh vực vệ sinh, môi trường.
 - Cho thuê máy xây dựng và phụ tùng máy móc công trình.
- Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:
- Kinh doanh dịch vụ vận tải bằng xe taxi điện tại các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và TP Hồ Chí Minh
 - Kinh doanh mặt hàng xe xúc lật, xe nâng
 - Dự kiến mở nhà máy gia công, sản xuất đối với sản phẩm cần cẩu tại khu công nghiệp Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 hiện nay đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp. Mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN MẠNH HẢI

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác

Từ 9/2006 - 3/2008
Từ 3/2008 - 11/2013
Từ 12/2013 - 4/2023
Từ 4/2023 - 9/2024
Từ 11/2024 - 2/2025

Cán bộ tín dụng Ngân hàng PT nhà ĐBSCL - Chi nhánh Hà Nội
Trưởng phòng tín dụng Công Ty Cổ phần tài chính Sông Đà
Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh
Tổng Giám đốc - CTCP Tập đoàn Trimico
Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

Ông NGUYỄN XUÂN THANH

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1982
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



Quá trình công tác

Từ 10/2006 - 8/2010
Từ 10/2010 - 01/2011
Từ 08/2011 - 11/2017
Từ 01/2018 - 06/2022
Từ 08/2022 - 09/2024
Từ 23/11 đến nay

Chuyên viên phòng kinh doanh Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam
Tổng Giám đốc (Phụ trách mảng Xuất khẩu Đá ốp lát toàn cầu) CTCP XNK Sunflower Việt Nam
Giám đốc Phát triển dự án của Tập đoàn T&T
Phó Chủ tịch HĐQT của CTCP Việt SơnThanh Xuân
Tổng Giám đốc của Công ty Sản xuất & XNK Sunflower T&T Việt Nam
Phó chủ tịch của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911



Ông PHẠM ĐÌNH THOAN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1990
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Chuyên ngành Máy xây dựng

Quá trình công tác

Từ 5/2013 - 12/2016
Từ 1/2017 - 06/2018
Từ 7/2018 - 4/2024
Từ 5/2017 - nay

Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn 911
Giám đốc kinh doanh bộ phận Atom CTCP Tập đoàn 911
Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn 911
Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn 911

Ông NGUYỄN VĂN BẮC

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1990
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Chuyên ngành Máy xây dựng



Quá trình công tác

Từ 11/2014 - 5/2017
Từ 5/2017 - nay

Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần Thiết bị 999
Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Thiết bị 999



Bà NGUYỄN THỊ THƠM

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

Từ 6/2006 - 2009
Từ 2009 - 2/2011
Từ 10/2011 - 4/2024
Từ 4/2024 - 6/2024
Từ 6/2024 - 2/2025
Từ 2/2025 - nay

Kế toán viên CTCP hóa chất Tiến Hoàng
Kế toán trưởng CTCP hóa chất Tiến Hoàng
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn 911
Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn 911
Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn 911
Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN ĐỨC HẢI

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1989

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành Máy xây dựng

Quá trình công tác

Từ 4/2014 - 4/2017

Từ 5/2017 - nay

Nhân viên kinh doanh CTCP Tập đoàn 911

Thành viên HĐQT/ Trưởng phòng bộ phận xe bơm bê tông CTCP Tập đoàn 911



Ông NGHIÊM ĐỨC THUẦN

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Chuyên ngành máy xây dựng

Quá trình công tác

Từ 10/2001 - 6/2006

Từ 7/2006 - 7/2007

Từ 8/2007 - 12/2010

Từ 1/2011 - 2/2015

Từ 12/2016 - 4/2024

Từ 4/2024 - nay

Kỹ sư Phó phòng Máy thiết bị Công ty Cầu 14

Kỹ sư, Kỹ thuật viên công trường CTCP Đầu tư xây dựng CTGT HN

Kỹ sư, Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật kế hoạch CTCP Vạn Xuân

Trưởng phòng Kỹ thuật kế hoạch CTCP Vạn Xuân

Giám đốc Kinh doanh CTCP Tập đoàn 911

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn 911

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông PHẠM ĐÌNH THOAN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông NGHIÊM ĐỨC THUẦN

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết xem ở mục Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN TRUNG HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính



Quá trình công tác

Từ tháng 10/1996 - 12/2003

Từ tháng 01/2004 - 12/2009

Từ tháng 01/2010 - 12/2015

Từ tháng 01/2016 - 12/2019

Từ tháng 01/2020 - 1/2024

Từ tháng 02/2024 - 05/2024

Từ tháng 05/2024 - nay

Kế toán viên, Chuyên quản Tài chính kế toán Tổng Công ty, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt

Chuyên quản tài chính kế toán Tổng Công ty, Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty thành viên, Thành viên Ban đổi mới công nghệ

Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán Hội sở, Trưởng phòng Giao dịch PGBank Phạm Hùng, Hà Nội

Trợ lý Tổng Giám đốc, Kiểm soát tuân thủ, kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Hải Phát thủ đô, Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty công trình giao thông 5 (CIENCO5)

Phó Tổng Giám đốc, kiêm phó Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán APEC, Tham gia quản lý, phát triển kinh doanh ngân hàng, bảo hiểm

Phụ trách phát triển kinh doanh thị trường Lào, Giám đốc phát triển kinh doanh

Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính kế toán

BAN KIỂM SOÁT

Bà TRẦN THỊ KIM DUNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1996

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán



Quá trình công tác

Từ 6/2017 - 6/2018

Từ 3/2019 - 4/2020

Từ 4/2020 - 6/2024

Từ 6/2024 - nay

Kế toán viên CTCP Đầu tư xây dựng & Thương mại 559 Long Biên

Kế toán viên Công ty TNHH Hi-Medic

Kế toán viên CTCP Y tế GH

Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn 911

Bà TRẦN NGỌC ANH
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1993
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

Từ 6/2018 - 11/2020	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phú Xuân
Từ 06/2022 - 05/2023	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần ADDED-VALUE
Từ tháng 06/2023 - 02/2024	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển HC Quốc tế
Từ tháng 06/2024 - nay	Thành viên BKS công ty cổ phần Tập đoàn 911



Bà LÊ THỊ LOAN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

Từ 6/2017 - 6/2023	Kế toán tổng hợp CTCP Xây dựng và Thương mại Gia Lâm
Từ 6/2023 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn 911

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông HOÀNG SƠN ĐĂNG
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1996
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác

06/2022 -31/05/2024	Kế toán Tổng hợp Công ty cổ phần tập đoàn 911
06/2022 - hết năm 2024	Kế toán trưởng Công ty cổ phần tập đoàn 911



VỊ THẾ

- Công ty cổ phần Tập đoàn 911 có truyền thống và kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực xây dựng và cung cấp các thiết bị máy móc liên quan đến thi công, xây dựng công trình. Từ khi được thành lập, hoạt động và phát triển cho đến nay, Công ty cổ phần Tập đoàn 911 luôn không ngừng học hỏi kinh nghiệm, không ngừng trang bị cho mình những thiết bị máy móc hiện đại, tối tân nhất nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất được thuận tiện và hiệu quả nhất. Các sản phẩm của Công ty đang cung cấp không những có chất lượng cao mà còn đảm bảo giá cả cạnh tranh cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Công ty đã và đang đầu tư nhiều loại máy móc thiết bị và sẵn sàng đầu tư để cho thuê hoặc bán cho các đối tác.
- Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Công ty chính là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành; Lực lượng lao động của Công ty có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nhiều kinh nghiệm.
- Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được cung cấp bởi các tập đoàn cung cấp thiết bị thi công xây dựng hàng đầu trên thế giới như XCMG (Trung Quốc), KCP (Hàn Quốc), Zton (Hàn Quốc), Zoomlion (Trung Quốc), Ep Equipment (Trung Quốc)... Nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị mà Công ty cung cấp hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng. Công ty hiện đã được cấp chứng chỉ là đại lý phân phối chính thức các sản phẩm máy xây dựng thuộc thương hiệu XCMG - Tập đoàn sản xuất thiết bị xây dựng công trình lớn nhất Trung Quốc, Zton, Ep Equipment - Một trong những công ty hàng đầu về thiết kế và sản xuất xe nâng, KCP - Một trong ba nhà sản xuất xe bơm bê tông lớn tại Hàn Quốc với thị phần dẫn đầu trong ngành.
- Hiện nay, Công ty đang tiếp tục tích cực đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao trình độ lao động, mở rộng quy mô sản xuất cũng như thị trường tiêu thụ nhằm tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

01

Kiến toàn hệ thống

Tiếp tục công tác kiến toàn hệ thống kết hợp với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số góp phần nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công nhân viên, cũng như đa dạng hóa danh mục sản phẩm, dịch vụ, mở rộng địa bàn kinh doanh. củng cố vững chắc thương hiệu Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 là đơn vị cung cấp các dòng sản phẩm máy móc thi công nằm trong top 10 tại thị trường Việt Nam

Mục tiêu về doanh thu

02

Bước sang năm 2025 Công ty dự kiến doanh thu đạt 900 tỷ

03

Cung cấp thêm sản phẩm

Ngoài những sản phẩm chủ lực Xúc đào, cầu tự hành, cầu chuyên dùng, xe bơm bê tông... Năm 2025 Công ty dự kiến cung cấp thêm các dòng sản phẩm là xúc lật và xe nâng, dự kiến 2 dòng sản phẩm này sẽ bổ sung vào danh mục sản phẩm chủ lực trong giai đoạn sắp tới

Hoàn thành các thủ tục

04

Hoàn thành thủ tục, xin giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư, tiến hành khởi công xây dựng giai đoạn 1 dự án Nhà máy sản xuất cần cầu hợp tác với Tập đoàn Zton (Hàn Quốc). Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động và cho ra sản phẩm cầu đầu tiên vào đầu quý II năm 2026

05

Khai thác dịch vụ vận tải bằng xe taxi

Dự kiến vào khai thác dịch vụ vận tải bằng xe taxi trước ngày 30/04/2025 tại địa bàn các tỉnh thành: Đồng Nai, Bình Dương và TPHCM

Nâng cao năng lực nhân sự

06

Cử cán bộ, nhân viên đi học nhận chuyển giao công nghệ mới đối với các máy móc thi công thế hệ mới phục vụ cho hoạt động thi công tại các dự án, công trình trọng điểm quốc gia trong thời gian sắp tới

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

01

Công ty Cổ phần tập đoàn 911 luôn luôn ưu tiên với công tác kiến toàn hệ thống đồng thời nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công nhân viên cũng như đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh và mở rộng lĩnh vực hoạt động

03

Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường bên cạnh đó luôn luôn cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm hao phí nguyên vật liệu và giảm chất thải ra môi trường

05

Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo quyền lợi của người lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho công nhân viên và người lao động

02

Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá hình sản của Công ty và sản phẩm đến với người tiêu dùng bằng sự nỗ lực không ngừng của cả tập thể ban lãnh đạo và nhân viên Công ty

04

Tăng cường đào tạo và phát huy tính sáng tạo trong đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm ngày càng tăng cường được hàm lượng công nghệ trong công việc, góp phần cải thiện năng suất và hiệu quả công việc

06

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, góp phần nâng cao uy tín doanh nghiệp



CÁC MỤC TIÊU TRONG NĂM 2025

Mục tiêu phát triển cụ thể trong năm 2025

- Tiếp tục đẩy mạnh việc quản bá hình ảnh Công ty, sản phẩm, dịch vụ bằng nỗ lực không ngừng nghỉ của cả tập thể, ban lãnh đạo và nhân viên
- Sang đến năm 2025 Công ty hướng đến mục tiêu doanh thu đạt 900 tỷ
- Hoàn thiện thủ tục hồ sơ, pháp lý, tiến hành khởi công giai đoạn 1 Nhà máy sản xuất cầu tại huyện KCN Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam
- Hoạt động kinh doanh máy xây dựng vẫn là hoạt động kinh doanh cốt lõi
- Đưa dự án taxi đi vào hoạt động trước ngày 30/04/2025 địa bàn hoạt động tại các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh
- Cung cấp thêm các dòng sản phẩm mới bao gồm: Xúc lật, xe nâng

- Cử cán bộ, công nhân viên sang các đối tác là nhà cung cấp học tập, nghiên cứu về các dòng máy công trình, máy xây dựng thế hệ mới. Hướng tới mở rộng các chủng loại hàng hóa, sản phẩm cung cấp cho các dự án trọng điểm của Đất nước.

Mục tiêu trung và dài hạn

- Mở rộng thêm quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh củng cố vị thế là đơn vị cung cấp máy thi công xây lắp trong top 10 tại thị trường Việt Nam
- Tăng cường hoạt động chuyển đổi số, đào tạo và phát huy tính sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công nhân viên nhằm tăng cường hàm lượng công nghệ trong công việc góp phần cải thiện năng suất và hiệu quả công việc
- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật hiện hành đặc biệt liên quan đến người lao động, an toàn lao động. Lấy người lao động làm trọng tâm, cải thiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng góp phần cho sự phát triển xã hội và nâng cao vị thế của Doanh nghiệp
- Mở rộng quy mô đội xe taxi điện được đưa vào khai thác và mở rộng địa bàn kinh doanh dịch vụ vận tải bằng xe taxi điện (Taxi xanh) tại các tỉnh thành thuộc khu vực Đông và Tây Nam Bộ.
- Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững: Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 hướng đến mục tiêu tạo dựng giá trị lâu dài cho khách hàng, người lao động đối tác và cộng đồng. Tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào từng khâu của hoạt động sản xuất - kinh doanh dựa trên một số những quan điểm sau đây. Thứ nhất, thực hành kinh doanh trách nhiệm; Thứ hai, thúc đẩy sự đa dạng, công bằng đối với từng từng đối tác mà Doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm dịch vụ; Thứ ba là cam kết xanh.



RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

GDP năm 2024 tăng trưởng tích cực ở mức 7,09%, là mức tăng trưởng khá cao so với giai đoạn 2011–2024. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng mạnh nhất (8,24%), đóng góp lớn (45,17%) vào tăng trưởng chung; tiếp theo là khu vực dịch vụ (7,38%, đóng góp 49,46%) và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản (3,27%, đóng góp 5,37%)

- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng ổn định dù chịu ảnh hưởng của thiên tai. Nông nghiệp tăng 2,94%, lâm nghiệp 5,03%, và thủy sản 4,03%
- Khu vực công nghiệp và xây dựng phục hồi mạnh mẽ. Công nghiệp tăng 8,32%, trong đó chế biến, chế tạo tăng 9,83%; sản xuất điện tăng 10,05%. Riêng ngành khai khoáng giảm 7,24%
- Khu vực dịch vụ tiếp tục khởi sắc, đặc biệt ở các ngành bán buôn, bán lẻ (tăng 7,96%), vận tải, kho bãi (10,82%), dịch vụ lưu trú, ăn uống (9,76%) và tài chính-ngân hàng-bảo hiểm (7,11%)

Về sử dụng GDP:

- Tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57%; tích lũy tài sản tăng 7,20%
- Xuất khẩu tăng 15,45%; nhập khẩu tăng 16,10%

Rủi ro lạm phát

Theo Tổng cục Thống kê, CPI năm 2024 tăng 3,63%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra, chịu tác động chủ yếu bởi:

- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03%, trong đó giá gạo tăng cao (15,93%)
- Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2%, chủ yếu do điều chỉnh giá điện sinh hoạt và giá thuê nhà tăng
- Thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16% do điều chỉnh giá theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT (ngày 17/11/2023) và Thông tư số 21/2024/TT-BYT (ngày 17/10/2024) của Bộ Y tế
- Giáo dục tăng 5,37% do tăng học phí tại một số địa phương
- Giao thông tăng nhẹ (0,76%)

Nhóm bưu chính, viễn thông giảm (1,02%) góp phần kiềm chế CPI.

Lạm phát cơ bản năm 2024 tăng 2,71%, thấp hơn mức CPI chung, phản ánh tác động chủ yếu từ các yếu tố giá lương thực, thực phẩm, điện, dịch vụ y tế và giáo dục.

Ban lãnh đạo Tổng công ty đã chủ động tăng cường kiểm soát chi phí, quản lý biến động giá đầu vào nhằm giảm thiểu các rủi ro phát sinh từ lạm phát, đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh.

Rủi ro lãi suất

Bên cạnh yếu tố lạm phát, lãi suất cũng là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh và đầu tư hợp lý.

Thực hiện theo chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiếp tục chỉ đạo giảm mặt bằng lãi suất cho vay, chủ động có biện pháp điều hành tăng trưởng tín dụng, tăng khả năng tiếp cận vốn của nền kinh tế hiệu quả, khả thi, kịp thời. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở trong khoảng 6,9-9,3%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,6%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm). Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống và tập trung vào các động lực tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế cũng có những dấu hiệu đáng mừng. Tính đến thời điểm 25/12/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,19%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,82% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,48%).

RỦI RO PHÁP LUẬT

Việc thay đổi luật pháp cũng như các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp, tạo ra sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại...Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

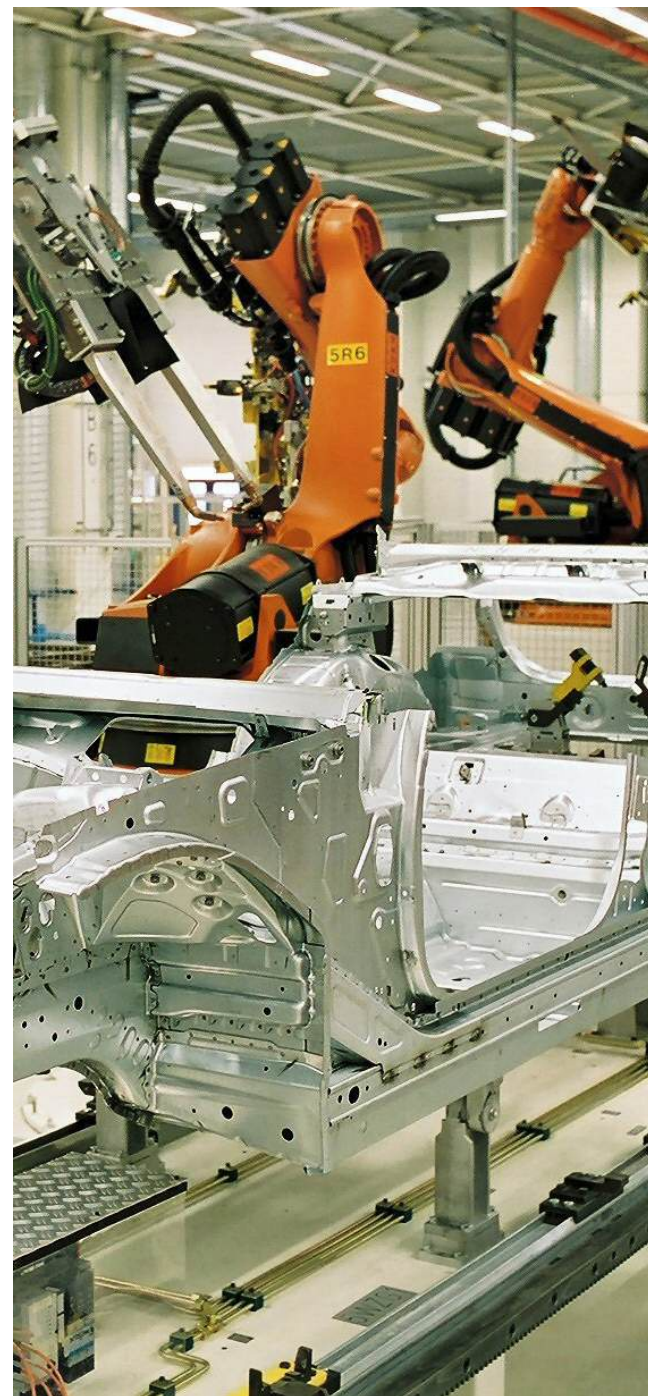
Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Là doanh nghiệp hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn 911 được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về Công ty cổ phần... Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện, tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

- Biến động tỷ giá và chi phí nhập khẩu: Phần lớn máy móc, thiết bị, phụ tùng tại Việt Nam được nhập khẩu, nên khi tỷ giá ngoại tệ biến động, giá vốn hàng hóa có thể tăng cao. Các chính sách thuế nhập khẩu và chi phí logistics cũng có thể thay đổi, ảnh hưởng đến giá bán và biên lợi nhuận
- Biến động chính sách thuế và hải quan: Các chính sách liên quan đến thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), và quy định hải quan có thể thay đổi, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Các thủ tục nhập khẩu phức tạp hoặc thay đổi có thể làm chậm trễ quá trình cung ứng hàng hóa
- Cạnh tranh cao và áp lực giá cả: Có sự cạnh tranh mạnh từ cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Sự xuất hiện của hàng giả, hàng nhái hoặc hàng xách tay không chính ngạch làm giảm lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp chính thống. Khách hàng có xu hướng tìm kiếm giá rẻ, gây áp lực lên biên lợi nhuận.



RỦI RO KHÁC

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão, lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố...nếu có sẽ gây thiệt hại về tài sản và con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty trên quy mô lớn. Để hạn chế tối đa thiệt hại, công ty đã tham gia các hợp đồng bảo hiểm cho máy móc, thiết bị và tài sản cố định của Công ty.

RỦI RO CÔNG NGHỆ

Công nghệ ra đời là một bước đột phá lớn trong quá trình phát triển của nhân loại. Ngoài việc mang lại nhiều lợi ích, việc áp dụng công nghệ vẫn có rất nhiều rủi ro.

Các dòng máy móc, thiết bị liên tục cải tiến, khiến sản phẩm cũ nhanh chóng lỗi thời, gây áp lực tồn kho. Một số thiết bị có thể bị thay thế bởi công nghệ mới hoặc xu hướng tự động hóa, giảm nhu cầu đối với các dòng sản phẩm truyền thống. Do đó, các doanh nghiệp trong ngành luôn phải thu thập thông tin, cập nhật và liên tục đổi mới. Nếu chậm thay đổi công nghệ nhiều Doanh nghiệp sẽ đứng trên bờ vực phá sản.

Để giảm thiểu những rủi ro công nghệ, Công ty luôn chủ động theo dõi, cập nhật sự phát triển của Khoa học công nghệ, ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các máy móc, thiết bị luôn được công ty nhập từ các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo đồng bộ về chất lượng cũng như công nghệ. Đối với các máy móc đã lỗi thời, lạc hậu không còn phù hợp với nhu cầu của thị trường hoặc đã khấu hao hết, công ty chủ động áp dụng các biện pháp thanh lý nhằm thu hồi vốn để đầu tư vào các máy móc mới, công nghệ hiện đại, đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của thị trường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 36 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- 37 Tình hình tài chính
- 41 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

	Đơn vị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu	tỷ đồng	600	802	133,6%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18	18,03	100%

Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2022 - 2024

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	Tỷ trọng 2024/2023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.325	611	802	131,21%
Doanh thu hoạt động tài chính	3	37	16	42,99%
Thu nhập khác	2	2	1	66,70%
Giá vốn hàng bán	1.229	576	749	129,92%
Chi phí bán hàng	9	9	15	160,97%
Chi phí quản lý danh nghiệp	27	19	19	98,02%
Chi phí khác	5	0,663	1	172,79%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	52	20	25	128,26%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39	17	18	106,65%

Về tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Với sự nỗ lực và cố gắng của Ban Lãnh Đạo công ty và toàn thể các cán bộ công nhân viên của công ty, công ty cổ phần 911 đã đạt được những kết quả đáng mong đợi, hoàn thành và vượt kế hoạch đã đặt ra. Nhận định được thị trường kinh tế còn nhiều khó khăn, năm 2024, Ban Tổng giám đốc công ty cổ phần tập đoàn 911 đã đặt ra kế hoạch đạt 600 tỷ đối với Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt 18 tỷ đồng và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua kế hoạch. Tuy nhiên, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, Công ty đã đạt vượt mức kế hoạch đặt ra. Doanh thu thuần năm 2024 đạt được hơn 800 tỷ đồng vượt hơn 30% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 19 tỷ đồng vượt hơn 5% so với kế hoạch. Đây là một kết quả kinh doanh tự hào mà công ty đã đạt được trong một năm đầy khó khăn vừa qua.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 31,21% so với năm 2023. Sự tăng trưởng này phản ánh nỗ lực phục hồi sau giai đoạn suy giảm, doanh thu năm 2024 của công ty đạt 802.345.438.436 đồng, mặc dù chưa đạt được ngưỡng doanh thu của năm 2022, nhưng cũng thấy một điều rằng năm 2024, Công ty đã rất nỗ lực và cố gắng để đạt được mức doanh thu vượt hơn 30% so với năm 2023 trong hoàn cảnh nền kinh tế vẫn đang rất khắc nghiệt và cô cùng khó khăn.
- Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm mạnh 57,01%, cho thấy nguồn thu từ đầu tư tài chính giảm đáng kể. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá thực hiện. Năm 2024, lãi tiền gửi giảm, đó cũng chính là nguyên nhân khiến doanh thu đến từ hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng cũng giảm làm giảm doanh thu hoạt động tài chính của công ty.
- Thu nhập khác:** Giảm 33,3%, cho thấy nguồn thu nhập từ các hoạt động không cốt lõi suy giảm, do giảm các khoản thu nhập bất thường. Thu nhập khác của công ty đến thu thanh lý tài sản, thu được từ thanh toán chậm hợp đồng của phía đối tác. Năm 2024, công ty ít thanh lý tài sản, các đối tác của công ty ít chậm thanh toán hợp đồng cho thấy vốn của công ty ít bị chiếm dụng trong một thời gian dài giảm.
- Chi phí bán hàng:** Tăng mạnh 60,97%, cho thấy công ty đang gia tăng các hoạt động tiếp thị, phân phối, hoặc mở rộng thị trường.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm nhẹ 2%, phản ánh khả năng kiểm soát chi phí quản lý tốt hơn, giúp công ty cải thiện hiệu quả hoạt động.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 28,26%, cho thấy hoạt động kinh doanh chính của công ty đang phục hồi, nhưng tốc độ tăng trưởng chưa cao.
- Lợi nhuận trước thuế:** Tăng 11,5%, phản ánh hiệu quả kinh doanh có sự cải thiện nhưng vẫn bị ảnh hưởng bởi chi phí tăng cao.
- Lợi nhuận sau thuế:** Đạt 18,03 tỷ VND, tăng 6,65% so với năm 2023, cho thấy công ty vẫn có lãi nhưng tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với lợi nhuận thuần, do gánh nặng chi phí.

Nhìn chung, công ty đã có những bước tiến trong việc phục hồi doanh thu và lợi nhuận sau giai đoạn suy giảm. Tuy nhiên, sự gia tăng mạnh của chi phí bán hàng và chi phí tài chính đặt ra thách thức cho việc duy trì và cải thiện biên lợi nhuận.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban Điều hành

ÔNG PHẠM ĐÌNH THOAN

- Chức vụ:** Tổng Giám đốc
- Năm sinh:** 1990
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí - Chuyên ngành máy xây dựng
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 185.000 cổ phần

ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẤN

- Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh:** 1978
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí - Chuyên ngành máy xây dựng
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 32.500 cổ phần

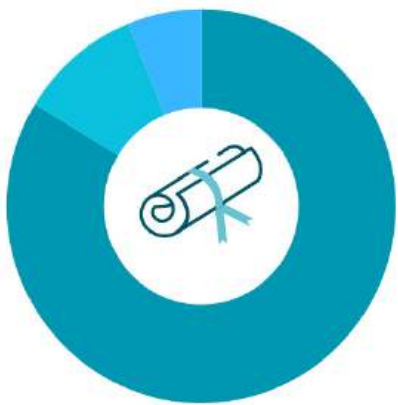
ÔNG NGUYỄN TRUNG HIẾU

- Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh:** 1974
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ tài chính
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

Cơ cấu lao động

Theo trình độ lao động

Trình độ Đại học và trên Đại học	41
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5
Lao động phổ thông	3



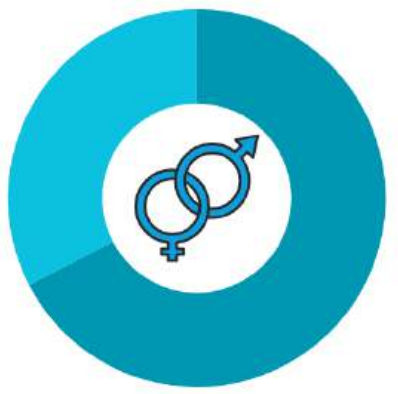
Theo đối tượng lao động

Lao động trực tiếp	49
Lao động gián tiếp	0



Theo giới tính

Nam	31
Nữ	15



Theo trình độ lao động

Quản lý cấp cao	5
Quản lý cấp trung	10
Quản lý cấp chi nhánh	3
Chuyên viên, nhân viên	28
Lao động khác	3





Tóm tắt chính sách nhân sự

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản theo quy định của Bộ Luật Lao động, cụ thể: Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường, nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại, và các chính sách đãi ngộ, phúc lợi khác theo quy định.

Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của công ty

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

Mỗi nhân viên mới của Công ty đều trải qua khóa đào tạo hội nhập bao gồm: Giới thiệu tổng quan về Công ty, văn hóa Công ty, sơ đồ tổ chức, tham quan Công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc, lập bảng mô tả công việc và giao nhiệm vụ cho nhân viên mới, hướng dẫn các nội dung liên quan đến công việc được giao...

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 60-70h/nhân viên. Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Căn cứ nhu cầu đào tạo của Công ty và định hướng phát triển, quy hoạch cán bộ, phòng hành chính nhân sự cùng với các bộ phận chuyên môn xác định nhu cầu đào tạo trong năm. Đối với các bộ phận có nhu cầu đào tạo nhân viên đột xuất thì trưởng bộ phận làm đề nghị trình Tổng Giám đốc phê duyệt và xem xét phê duyệt. Sau khi kế hoạch đào tạo đã được Tổng Giám đốc phê duyệt, phòng Hành chính nhân sự phối hợp với các bộ phận xác định chương trình đào tạo để phát triển kỹ năng cho người lao động, bao gồm các công việc: Lên lịch đào tạo, thời gian và địa điểm đào tạo, danh sách người tham gia đào tạo, nội dung đào tạo, kinh phí tham gia đào tạo.

Chính sách tuyển dụng nhân viên

- Mục tiêu tuyển dụng: Công ty thu hút, tuyển dụng và sắp xếp nhân sự có trình độ, năng lực phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Việc tuyển dụng đảm bảo minh bạch, công bằng, tối ưu hóa nguồn nhân lực và tạo điều kiện phát triển cho nhân viên.
- Nguyên tắc tuyển dụng
 - + Tuyển dụng dựa trên nhu cầu thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.
 - + Minh bạch, công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, vùng miền.
 - + Ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm và năng lực phù hợp với vị trí công việc.
 - + Đánh giá ứng viên qua các tiêu chí chuyên môn, kỹ năng làm việc và phẩm chất cá nhân.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thông tin và dự án thực hiện trong năm 2024

Tên dự án	911 Taxi
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911
Hình thức đầu tư	Hình thức đầu tư góp vốn
Mục tiêu đầu tư	Đến năm 2026 tổng số 800 đầu xe, 04 tổ hợp xưởng dịch vụ 2S + trạm sạc + điểm bán, cho thuê xe cũ GF
Quy mô dự án	500 tỷ đồng
Năng lực sản xuất	2025 (900,000 lượt vận chuyển hành khách)
Địa điểm thực hiện dự án	Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu
Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại	Tháng 3 năm 2025
Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm	Đang triển khai đúng tiến độ đề ra (911 Taxi vận hành tháng 3/2025, Xưởng dịch vụ + điểm bán hàng vận hành tháng 4/2025)



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Năm 2024 công ty không có công ty con, công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	438	538	22,64%
Doanh thu thuần	611	802	31,21%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19	24	18,07%
Lợi nhuận khác	1	0,183	(86,21%)
Lợi nhuận trước thuế	21	24	11,54%
Lợi nhuận sau thuế	16	18	6,65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	70,96%	N/A	-

Công ty có sự phục hồi trong năm 2024 với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2023. Doanh thu thuần tăng mạnh 31,21%, giúp cải thiện lợi nhuận từ đó dẫn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng tăng hơn 18% so với năm 2023. Doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh chính của công ty tăng, cho thấy công ty vẫn luôn tập trung thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, phát huy được thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh chính của mình. Năm 2024, lợi nhuận khác của công ty có giảm so với năm 2023, tuy nhiên nhìn về kết quả chung lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn đạt hơn 18 tỷ đồng, tăng 6,65% so với năm 2023.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2023	2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,150	2,081
Hệ số thanh toán nhanh	1,570	1,282

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	2023	2024
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,296	0,414
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,421	0,709

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	2023	2024
Vòng quay hàng tồn kho	4,134	4,935
Vòng quay tổng tài sản	0,776	1,643

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	2023	2024
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,028	0,022
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,055	0,057
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,039	0,033
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	0,033	0,029

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn 911
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	NO1
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết	28/11/2022
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	24.000.000
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2024

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	0	0%
3	Cổ đông lớn	11.674.211	48,64%
	- Trong nước	10.379.311	43,25%
	- Nước ngoài	1.294.900	11,54%
4	Cổ đông khác	12.325.789	5,40%
	Trong đó: - Trong nước	11.782.689	51,36%
	- Nước ngoài	543.100	49,09%
	TỔNG CỘNG	24.000.000	100%
	Trong đó: - Trong nước	22.169.800	92,37%
	- Nước ngoài	1.830.200	7,63%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VĐL sau khi phát hành	Phương thức tăng vốn
Năm 2011	0	3.000.000.000	Góp vốn ban đầu bằng tiền
Lần 1: Tháng 5/2016	2.300.000	26.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu tỷ lệ 3:23
Lần 2: Tháng 12/2016	1.900.000	45.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu tỷ lệ 26:19
Lần 3: Tháng 6/2017	3.500.000	80.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu tỷ lệ 9:7
Lần 4: Tháng 6/2021	10.500.500	185.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu tỷ lệ 16:21
Lần 5: Tháng 12/2021	5.500.000	240.000.000.000	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là: 49%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
Trong năm 2024, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Chứng khoán khác

Không

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 44 Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024
- 46 Tình hình tài chính
- 47 Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lí
- 48 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 49 Đánh giá về trách nhiệm với môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới dần hồi phục, thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan, tình hình mùa vụ không thuận tại các vùng sản xuất lương thực chủ yếu dẫn tới giá lương thực thế giới tăng liên tiếp trong nhiều tháng... Tuy nhiên, trong năm 2024 kinh tế Việt Nam được nhìn nhận khá tích cực, cơ hội và rủi ro ở thế cân bằng bất chấp những tình thế khó khăn của thế giới.

Động lực phát triển của nền kinh tế đến từ hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư công của Chính phủ đối với hàng loạt những dự án trọng điểm của Đất nước có thể kể đến như: Cao tốc Bắc Nam, Sân bay Long Thành....

Trong bối cảnh đó ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty đã chủ động, nỗ lực học hỏi, phấn đấu không ngừng vượt qua những khó khăn, biến thách thức thành cơ hội thông qua việc triển khai nhiều giải pháp đổi mới sáng tạo, quyết liệt trong điều hành, chủ động đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



	Đơn vị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu	tỷ đồng	600	802	133,6%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18	18,03	100%

Những tiến bộ mà công ty đạt được:

- Công ty đã đang quan tâm đến việc đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng bán hàng thông qua các khóa tập huấn đối với toàn bộ nhân viên kinh doanh.
- Áp dụng khoa học công nghệ thông tin trong công tác kế toán.
- Thường xuyên đưa cán bộ kỹ thuật viên sang nhà máy để học về các dòng sản phẩm mới.

Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thị trường bất động sản đã trải qua giai đoạn khó khăn nhất và đang có dấu hiệu lấy lại đà phục hồi phát triển. Bên cạnh đó, Chính phủ đang đẩy nhanh tiến độ đối với các dự án trọng điểm quốc gia, tạo thêm động lực cho các ngành liên quan.
- Tỷ giá liên tục biến động mạnh, trong khi ngân hàng Trung ương Mỹ thận trọng trong việc giảm lãi suất, dẫn đến tỷ giá USD vẫn cao.

Thuận lợi: Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt là vào các dự án hạ tầng trọng điểm như đường cao tốc, sân bay, cảng biển. Ngoài ra, các dự án bất động sản và khu công nghiệp mới tiếp tục được triển khai, làm gia tăng nhu cầu đầu tư máy móc xây dựng. Chi phí mua máy móc mới hiện vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp lựa chọn giải pháp thuê thiết bị thay vì mua nhằm tối ưu chi phí. Mô hình thuê dài hạn kết hợp bảo trì ngay càng được ưa chuộng, giúp tối ưu tài chính cho các doanh nghiệp xây dựng

Khó khăn: Dù thị trường có tín hiệu hồi phục, nhiều dự án bất động sản vẫn triển khai chậm do vướng mắc pháp lý và thiếu vốn, làm giảm nhu cầu thuê thiết bị xây dựng.

Bên cạnh đó, chi phí bảo trì máy móc lớn, rủi ro phát sinh từ việc sử dụng không đúng cách. Ngoài ra, sự cạnh tranh từ thiết bị nhập khẩu giá rẻ cũng gây áp lực lên giá thuê và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2024 tổng tài sản của Công ty là 537,73 tỷ đồng. Tăng 101 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm 2024 tương ứng với mức tăng là 23.06%

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	1/1/2024	31/12/2024	Tỷ trọng 2024/2023
I/ Tài sản ngắn hạn	312,55	458,7	43,09%
Tiền và các khoản tương đương tiền	47,06	105,5	124,24%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96,65	84,07	(12,50%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	49,24	83,3	71,21%
Hàng tồn kho	127,4	176,19	38,28%
Tài sản ngắn hạn khác	0,171	9,6	5163,16%
II/ Tài sản dài hạn	117,9	78,97	(32,48%)
Các khoản phải thu dài hạn	0,976	0,618	(36,68%)
Tài sản cố định	86,65	26,99	(69,77%)
Bất động sản đầu tư	30	30	0%
Tài sản dở dang dài hạn	-	0,815	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng cộng tài sản	438,46	537,73	22,63%

Nguồn: BCTC Kiểm toán NOI năm 2024

Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 223 tỷ đồng, tăng 93,2 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là 220 tỷ đồng, nợ dài hạn tại ngày 31/12/2024 là 2.7 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ





Vận dụng có hiệu quả quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán



Tổ chức các khóa tập huấn liên quan đến quản lý, luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các Nghị định, thông tư hướng dẫn hiện hành để các cán bộ chủ chốt tham gia



Kiểm toàn bộ máy quản trị của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định quản trị công ty đối với công ty niêm yết



Thay đổi, bổ nhiệm một số cán bộ có kinh nghiệm và năng lực đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

01 Tăng giá trị doanh nghiệp

Nâng cao giá trị doanh nghiệp, góp phần cải thiện giá cổ phiếu, củng cố niềm tin và uy tín với cổ đông. Cụ thể hóa bằng cách xúc tiến hoạt động bán hàng quản trị chi phí và tiến đến mục tiêu chia cổ tức bằng tiền mặt/ cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.

02 Khẳng định vị thế dẫn đầu

Giữ vững phương châm định hướng đưa Công ty cổ phần tập đoàn 911 trở thành đơn vị chuyên cung cấp, cho thuê, bán buôn, bán lẻ các dòng máy xây dựng lớn nhất tại thị trường Việt Nam.

03 Lấy khách hàng làm trung tâm

Đặt khách hàng lên hàng đầu, phát triển 911 luôn tiết kiệm thời gian

04 Phát triển văn hóa doanh nghiệp

Kiến tạo nền tảng văn hóa 911 phù hợp theo từng thời kỳ và giai đoạn phát triển

05 Quản trị chủ động

Xác định rõ những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn sắp tới để đưa ra những chính sách phù hợp

06 Tài chính linh hoạt

Định hướng bộ phận tài chính kế toán cũng là đơn vị đem lại giá trị gia tăng cho tập đoàn. Trong giai đoạn tình hình tài chính với việc tỷ giá biến động mạnh, bộ phận tài chính của 911 luôn có những chính sách phù hợp với điều kiện tỷ giá biến động mạnh như hiện nay

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

Không có

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Công ty luôn có tinh thần trách nhiệm cao đối với các vấn đề về môi trường. Công ty tích cực, chủ động thực hiện nhiều biện pháp nhằm bảo vệ môi trường và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh

Toàn thể cán bộ công nhân viên luôn chấp hành đầy đủ các quy định về việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu, chủ động đưa ra các sáng kiến, đề xuất ban lãnh đạo công ty các ý tưởng tái tạo và tiết kiệm nguồn năng lượng

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo trong công ty. Công ty luôn bảo vệ quyền lợi cho các cán bộ công nhân viên theo đúng quy định của bộ Luật lao động, các hợp đồng lao động đã ký kết

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong những năm qua, công ty đã có những đóng góp không nhỏ vào GDP của địa phương. Đồng thời công ty đã tạo công ăn việc làm và duy trì công việc ổn định cho số lượng lớn lao động tại địa phương và một số khu vực lân cận.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty	52
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	52
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	53



Đánh giá chung về tình hình kinh tế

- Trong năm 2024 hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nhiều bởi tình hình kinh tế thế giới khi mà các ngân hàng TW của những quốc gia phát triển tăng lãi suất nhằm kìm hãm lãi suất, chiến tranh, thiên tai dịch bệnh
- Tình hình trong nước: Chịu ảnh hưởng mạnh của việc tỷ giá hối đoái liên tục tăng cao

Tuy nhiên cũng có một số điểm tích cực, như thị trường Bất động sản - Xây dựng dần dựng bắt đầu ấm dần lên, cụ thể là các dự án xây dựng chung cư, nhà ở, nhà ở xã hội được diễn ra nhiều nơi trên cả nước. Chính phủ quyết tâm đẩy mạnh hoạt động xây dựng cơ bản với rất nhiều những dự án trọng điểm quốc gia.

Công ty là đơn vị chuyên cung cấp máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp nên cũng có những hợp đồng cung cấp cho dự án trọng điểm trên khắp cả nước

Kết thúc năm 2024, kinh tế vĩ mô ghi nhận nhiều con số tích cực như tăng trưởng GDP, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút FDI và kiểm soát lạm phát, trong bối cảnh tỷ giá tiếp tục chịu áp lực từ đồng USD mạnh. Thị trường chứng khoán nửa cuối năm diễn biến kém thuận lợi với thanh khoản sụt giảm mạnh, hệ thống giao dịch KRX và mục tiêu nâng hạng thị trường chưa hoàn tất, cùng áp lực bán ròng từ khối ngoại vẫn tiếp diễn. Mặc dù vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024 đã đạt những kết quả tích cực, hoàn thành kế hoạch do ĐHCĐ đề ra, nhờ các định hướng chiến lược linh hoạt và sự chỉ đạo kịp thời từ HĐQT, giúp Công ty cổ phần Tập đoàn 911 duy trì sự ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh.

HĐQT ghi nhận sự nhất quán trong việc thực hiện quan điểm “Lấy khách hàng làm trung tâm” và “Gia tăng trải nghiệm và hiệu quả đầu tư của khách hàng”. Trong năm 2024, Công ty tập trung củng cố hệ khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới thông qua các chương trình thi đua và chính sách phù hợp, đặc biệt với các nhóm khách hàng chủ lực.

Đối với mục tiêu gia tăng năng lực tài chính: Công ty đã triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp gồm tăng nguồn vốn chủ sở hữu thông qua chi trả cổ tức đều đặn.

Yếu tố ứng dụng công nghệ: tiếp tục là một điểm sáng trong năm 2024, phản ánh định hướng chuyển đổi số toàn diện của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

Công tác tổ chức nhân sự: Công tác tổ chức nhân sự trong năm 2024 được triển khai theo đúng định hướng từ đây mạnh tìm kiếm, tuyển dụng, tăng cường đào tạo đến thực hiện đánh giá khung năng lực, xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí. Theo đó, hàng loạt chương trình đào tạo được diễn ra xuyên suốt trong năm, gia tăng cả về số lượng khóa học và số giờ đào tạo bình quân trên mỗi nhân sự, kết hợp các hình thức trực tuyến, trực tiếp, tổ chức workshop và đào tạo thuê ngoài.

Bên cạnh đó, chính sách lương thưởng, phúc lợi và các chương trình thi đua khen thưởng luôn đảm bảo tính cạnh tranh, bám sát thực tế giúp thúc đẩy tinh thần làm việc, phát huy tối đa tiềm năng đội ngũ

Chính sách đãi ngộ, thi đua khen thưởng tiếp tục đảm bảo cạnh tranh, góp phần phát huy tối đa năng lực đội ngũ.

Hoạt động hỗ trợ vận hành ghi dấu ấn với sự chuyên nghiệp, chủ động và cải thiện rõ nét về chất lượng dịch vụ nội bộ, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an toàn và bảo mật thông tin.

Tổng kết:

HĐQT đánh giá các mặt hoạt động trong năm 2024 của 911 đã thể hiện tính đồng bộ và hiệu quả, bám sát quan điểm định hướng do HĐQT đề ra từ đầu năm. Các kết quả đạt được là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển bền vững, hướng tới kiến tạo tương lai thịnh vượng cho cổ đông, khách hàng, người lao động, đồng thời có đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền kinh tế, thị trường tài chính và cộng đồng, xã hội trong thời gian tới.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Định hướng hoạt động trọng tâm năm 2025 được HĐQT định hướng như sau:

Tăng cường năng lực tài chính

Nâng cao năng lực cán bộ quản lý và chất lượng đội ngũ nhân sự

Định hướng triển khai hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới

Tích cực hoạt động chuyển đổi số toàn diện

Xây dựng thương hiệu uy tín, hiệu quả, bền vững gắn với trách nhiệm xã hội

QUẢN TRỊ CÔNG TY

56 Hội đồng quản trị

60 Ban kiểm soát

61 Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

63 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lưu Đình Tuấn (*)	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	28,83%
2	Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT	721.500	3,01%
3	Ông Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT	185.000	0,77%
4	Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch HĐQT	598.000	2,49%
5	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	1.350.500	5,63%
6	Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT	2.347.111	9,78%
7	Ông Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT	20.000	0,08%

(*) Ông Lưu Đình Tuấn đã miễn nhiệm khỏi chức vụ chủ tịch HĐQT từ ngày 23/11/2024

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

Các hoạt động của Hội đồng quản trị

Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT của Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, kịp thời đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại Điều lệ công ty đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự và hiệu quả cuộc họp.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, các cuộc họp được thực hiện theo quy trình đảm bảo đúng quy định của luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lưu Đình Tuấn	15/16	93,75%	Đã qua đời và được miễn nhiệm tại ngày 23/11/2024 kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
2	Ông Nguyễn Đức Hải	16/16	100%	
3	Ông Phạm Đình Thoan	16/16	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thơm	08/16	50%	Được miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/06/2024 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Sau đó vào ngày 23/11/2024 tại kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 được bầu làm thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Mạnh Hải	01/16	6,25%	Vào ngày 23/11/2024 tại kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 được bầu làm thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Xuân Thanh	01/16	6,25%	Vào ngày 23/11/2024 tại kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 được bầu làm thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Văn Bắc	16/16	100%	

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT

Đồng thời năm 2024, HĐQT cũng ban hành 16 Nghị quyết với tỷ lệ thông qua là 100% số phiếu tán thành. Cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT-911	02/04/2024	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT-911	12/04/2024	Nghị quyết về việc miễn nhiệm các chức danh Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT-911	12/04/2024	Nghị quyết về việc miễn nhiệm các chức danh Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT-911	16/04/2024	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT-911	06/05/2024	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính kế toán	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT-911	07/05/2024	Nghị quyết về việc Chốt danh sách cổ đông để họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
7	07/2024/NQ-HĐQT-911	31/05/2024	Nghị quyết về việc thôi giữ chức vụ kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Thúy	100%
8	08/2024/NQ-HĐQT-911	31/05/2024	Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Hoàng Sơn Đăng	100%
9	09/2024/NQ-HĐQT-911	25/06/2024	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	100%
10	10/2024/NQ-HĐQT-911	18/09/2024	Nghị quyết về việc thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024	100%
11	11/2024/NQ-HĐQT-911	08/10/2024	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024	100%
12	12/2024/NQ-HĐQT-911	21/10/2024	Nghị quyết về việc thông qua ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô và dịch vụ cho thuê pin	100%

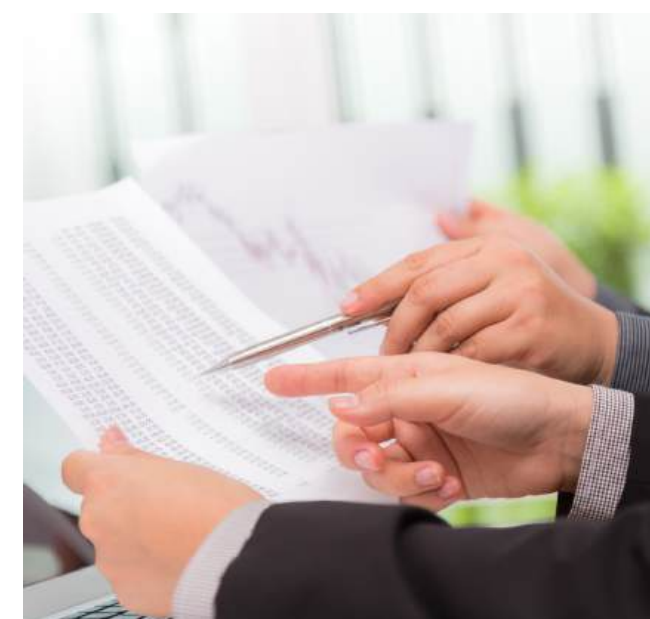
13	01/2024/NQ-HĐQT-911	05/11/2024	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
14	01/2024/NQ-HĐQT-911	02/04/2024	Nghị quyết về việc công bố thông tin bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
15	01/2024/NQ-HĐQT-911	20/11/2024	Nghị quyết về việc thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 tại Đồng Nai	100%
16	01/2024/NQ-HĐQT-911	23/11/2024	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025	100%



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia vào hoạt động của HĐQT công ty. Thành viên HĐQT cũng đưa ra các ý kiến khách quan nhằm mục tiêu kiện toàn công tác quản trị công ty, đồng thời hoàn thành các nhiệm vụ của HĐQT do ĐHĐCĐ giao phó. Cụ thể:

- Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
- Thành viên HĐQT độc lập luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, cũng như tham gia giám sát hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận khác theo sự phân công công việc
- Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS	0	0%
2	Bà Lê Thị Loan	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên BKS	0	0%
4	Bà Đàm Thị Việt Anh (**)	Trưởng BKS	0	0%
5	Bà Lưu Thị Kim Dung (**)	Thành viên BKS	0	0%

(**) Đã không còn là thành viên BKS từ ngày 22/6/2024

Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đàm Thị Việt Anh	02/05	40%	100%	Miễn nhiệm ngày 22/06/2024 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
2	Bà Lưu Thị Kim Dung	02/05	40%	100%	Miễn nhiệm ngày 22/06/2024 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
3	Bà Lê Thị Loan	05/05	100%	100%	Bổ nhiệm vào ngày 30/06/2023
4	Bà Trần Thị Kim Dung	03/05	60%	100%	Bổ nhiệm ngày 22/06/2024 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
5	Bà Trần Ngọc Anh	03/05	60%	100%	Bổ nhiệm ngày 22/06/2024 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Năm 2024, Ban kiểm soát của công ty cổ phần tập đoàn 911 đã chủ động thực hiện hoạt động kiểm soát nhằm đảm bảo các hoạt động của công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ công ty,...

Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp định kỳ và đề xuất triển khai nhiệm vụ giám sát của Ban Kiểm soát đối với hoạt động tài chính và các kế hoạch mục tiêu khác đã được thông qua đồng thời định hướng chỉ đạo các phương thức hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao , các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Thu nhập năm 2024 (VND)	Ghi chú
Thù lao và thưởng của HĐQT				
1	Ông Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1.176.241.000	
2	Bà Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT	125.269.000	
3	Ông Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	527.059.000	
4	Ông Nghiêm Đức Thuận	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc		
5	Ông Nguyễn Đức Hải	Phó chủ tịch HĐQT	754.736.000	
6	Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT	-	Bầu bổ sung ngày 23/11/2024
7	Ông Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT	199.538.000	
8	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	80.500.000	

Thù lao và thưởng của Ban Điều hành

1	Ông Vũ Đức Đạt	Tổng Giám đốc	-	Miễn nhiệm 12/04/2024
2	Ông Phạm Đình Thoan	Tổng Giám đốc	Đề cập tại mục HĐQT	
3	Bà Nguyễn Thị Thơm	Phó Tổng Giám đốc	Đề cập tại mục HĐQT	
4	Ông Nghiêm Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Đề cập tại mục HĐQT	
5	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	314.029.000	

Ban Kiểm soát

1	Bà Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS	-	Bổ nhiệm ngày 22/06/2024
2	Bà Lê Thị Loan	Thành viên BKS	20.770.000	
3	Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên BKS	-	Bổ nhiệm ngày 22/06/2024
4	Bà Đàm Thị Việt Anh	Thành viên BKS	116.500.000	

Kế toán trưởng

1	Bà Nguyễn Thị Thúy	Kế toán trưởng	-	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
2	Ông Hoàng Sơn Đăng	Kế toán trưởng	-	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)		
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ			
1	Nguyễn Thị Thơm	Em vợ chủ tịch HĐQT	601.250	2,5%	0	0%	Bán	601.250	cổ phiếu
2	Lê Xuân Hoàng	Em rể của vợ của vợ chủ tịch HĐQT	749.250	3,12%	0	0%	Bán	749.250	cổ phiếu
3	Nguyễn Thị Hải	Vợ chủ tịch HĐQT	984.400	4,10%	1.747.900	7,28%	Mua	763.500	cổ phiếu
4	Nghiêm Đức Thuận	Thành viên HĐQT	22.500	0,09%	32.500	0,14%	Mua	10.000	cổ phiếu
5	Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT (bầu 23/11/2024)	0	0%	598.000	2,49%	Mua	598.000	cổ phiếu

Hợp đồng giao dịch với người nội bộ

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2024, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin, xây dựng tổ chức theo quy định của Luật doanh nghiệp và ban hành quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán...Bên cạnh đó các cán bộ cũng thường xuyên cập nhật liên tục đối với các thay đổi trong quy định của pháp luật về quản trị. Nhằm đảm bảo điều chỉnh các quy định về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tổ chức hoạt động quan hệ với nhà đầu tư và công bố thông tin hiệu quả phù hợp với quy định của pháp luật hướng đến mục tiêu đặt ra là cung cấp đầy đủ thông tin, chính xác và kịp thời theo đúng quy định của luật chứng khoán, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) nhằm thu hút thêm được nhiều sự quan tâm, đầu tư của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 66 Mục tiêu phát triển bền vững
- 67 Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của công ty



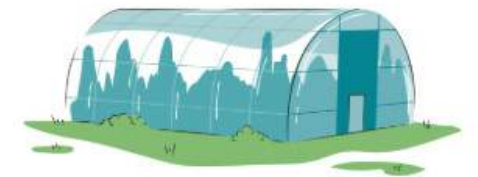
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, NOI liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nguyên vật liệu, nguồn nước, năng lượng sử dụng, tác động của nước thải, chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và các khối kinh doanh khác)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác động lên môi trường

Với lợi thế hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ xe taxi điện, Công ty đã giảm thiểu được lượng phát thải khi nhà kính so với taxi chạy bằng xăng/diesel, taxi điện không phát thải trực tiếp CO₂, SO₂, NO₂, giúp giảm ô nhiễm không khí và hiệu ứng nhà kính.



Việc sử dụng pin xe điện sẽ dẫn tới việc khai thác lithium... cho pin gây ô nhiễm nước, đất, phá hủy hệ sinh thái. Đồng thời hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị có thể gây gây ô nhiễm nguồn nước và đất nếu ác loại dầu bôi trơn, dung dịch làm mát, dung môi tẩy rửa bị xử lý không đúng cách

Biện pháp giảm thiểu tác động lên môi trường



Tìm kiếm và hợp tác với các nhà cung cấp xe điện có phát triển hệ thống tái chế pin, sử dụng điện từ nguồn tái tạo

Kiểm soát chặt chẽ việc xử lý dầu nhớt, linh kiện điện tử, áp dụng công nghệ tái chế

Chuyển sang thiết bị chạy điện hoặc hybrid, kiểm soát khí thải, bảo trì định kỳ để tránh rò rỉ nhiên liệu

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho mục đích vận hành máy móc và chiếu sáng tại các nhà xưởng, văn phòng. Phía công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm điện năng. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiết kiệm điện năng cũng là một trong các biện pháp để cắt giảm chi phí sản xuất của Công ty. Trung bình hàng năm, lượng điện năng tiêu thụ của Công ty khoảng 38.000 KWh/năm. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa. Nhằm đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động hiệu quả, ít tiêu hao năng lượng.



Tiêu thụ nước

Hiện nay, Công ty đang sử dụng nguồn nước sạch được xử lý bằng hệ thống xử lý nước sạch do công ty đầu tư trang bị. Lượng nước sử dụng bình quân trong năm 2024 là 450m³. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định. Không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

Sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Lắp đặt cảm biến ánh sáng và chuyển động để tự động tắt đèn khi không có người
- Dùng hệ thống BMS (Building Management System) để kiểm soát và tối ưu hóa mức tiêu thụ điện
- Sử dụng máy in, máy photocopy có chế độ tiết kiệm điện
- Sử dụng cửa kính cách nhiệt, rèm che để giảm tải cho điều hòa
- Chuyển đổi động cơ cũ sang động cơ hiệu suất cao, sử dụng biến tần để điều chỉnh tốc độ động cơ
- Lắp đặt đồng hồ đo thông minh để theo dõi và kiểm soát mức tiêu thụ điện theo thời gian thực.

Sáng kiến tiết kiệm nước:

- Lắp đặt vòi nước cảm ứng, vòi phun khí tiết kiệm nước để giảm lượng nước sử dụng mà vẫn đảm bảo hiệu quả.
- Kiểm tra và sửa chữa kịp thời rò rỉ từ đường ống, vòi nước, bồn cầu
- Dán biển nhắc nhở tiết kiệm nước ở khu vực rửa tay, nhà vệ sinh
- Tổ chức các chương trình tuyên truyền về tiết kiệm nước trong doanh nghiệp
- Kiểm tra và bảo trì hệ thống đường ống, van nước để tránh rò rỉ

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Doanh nghiệp chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.
- Doanh nghiệp chỉ đạo, tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường cho các cán bộ công nhân viên trong công ty. Tiết kiệm các nguồn năng lượng sử dụng, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực tới môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Chế độ làm việc:

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 02 ngày nghỉ, Tết âm lịch 07 ngày, nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày, nghỉ lễ 30/04 nghỉ 01 ngày, nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày, nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

Chính sách lương và thưởng:

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Việc trả lương của Công

ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tuy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi mới lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.
- Mỗi nhân viên mới của Công ty đều trải qua khóa đào tạo hội nhập bao gồm: giới thiệu tổng quan về công ty, văn hóa công ty, sở đồ tổ chức, thăm quan Công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc, lập bảng mô tả công việc và giao nhiệm vụ cho nhân viên mới, hướng dẫn các nội dung liên quan đến công việc được giao... Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 60-70h/nhân viên.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng nhằm duy trì sự phát triển bền vững và tạo ra tác động tổng thể tích cực đến cộng đồng địa phương. Người lao động tại Công ty được làm việc trong một môi trường an toàn, mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển. Không chỉ xây dựng môi trường lao động lành mạnh, Công ty luôn chủ động kịp thời thăm hỏi những người lao động bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo, động viên, ủng hộ, giúp đỡ các công nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP
NHẤT NĂM 2024 ĐÃ KIỂM
TOÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 42

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn 911 (tên tiếng Anh và tên viết tắt là 911 GROUP JSC), tiền thân là Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Nền Móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240.000.000.000 VND.

Mã chứng khoán: Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là NO1.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng; máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	13/02/2025	
	Phó chủ tịch HĐQT	23/11/2024	
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT	23/11/2024	
Ông Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT		23/11/2024
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ		22/06/2024
	Chủ tịch HĐQT	23/11/2024	13/02/2025
Ông Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	12/04/2024	
Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT		

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS		22/06/2024
Bà Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS	22/06/2024	
Bà Lê Thị Loan	Thành viên BKS	30/06/2023	
Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên BKS	22/06/2024	
Bà Lưu Thị Kim Dung	Thành viên BKS		22/06/2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS		30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Đạt	Tổng Giám đốc		12/04/2024
Ông Nghiêm Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	12/04/2024	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2024	08/03/2025
Ông Hoàng Sơn Đăng	Kế toán trưởng	31/05/2024	08/03/2025
Bà Đoàn Thị Loan	Kế toán trưởng	08/03/2025	
Bà Nguyễn Thị Thúy	Kế toán trưởng		31/05/2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Hải – Chủ tịch HĐQT.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 165/2025/BCKT-HCM.01517

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần cho báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 03 năm 2024.



TRẦN ĐẠC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911
Thôn Phú Dục 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458.760.647.718	320.556.511.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	105.537.221.329	47.065.827.923
Tiền	111		18.491.431.627	23.277.600.520
Các khoản tương đương tiền	112		87.045.789.702	23.788.227.403
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.076.975.267	96.657.039.267
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	84.076.975.267	96.657.039.267
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.309.018.552	49.242.214.937
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.420.519.244	26.979.482.619
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	20.239.682.924	15.249.959.089
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	26.648.816.384	7.012.773.229
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	176.197.989.059	127.420.306.394
Hàng tồn kho	141		177.784.424.016	127.420.306.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.586.434.957)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.639.443.511	171.122.479
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.348.146.112	171.122.479
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.291.297.399	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.970.944.907	117.910.893.077
Các khoản phải thu dài hạn	210		618.709.500	976.696.900
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	618.709.500	976.696.900
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		26.994.218.117	86.658.295.591
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	19.172.694.004	27.382.411.127
Nguyên giá	222		52.416.645.622	69.917.314.188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.243.951.618)	(42.534.903.061)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	7.821.524.113	13.765.113.114
Nguyên giá	225		8.998.504.876	16.243.959.421
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.176.980.763)	(2.478.846.307)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	45.510.771.350
Nguyên giá	228		64.395.000	45.564.395.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.395.000)	(53.623.650)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	30.000.000.000	30.000.000.000
Nguyên giá	231		30.000.000.000	30.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		815.982.407	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	815.982.407	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.542.034.883	275.900.586
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20.542.034.883	275.900.586
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		537.731.592.625	438.467.404.077

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		223.142.201.135	129.912.951.478
Nợ ngắn hạn	310		220.365.727.846	123.030.116.979
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.13	136.808.326.930	30.542.195.134
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	23.951.710.900	24.784.346.864
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.246.864.660	6.250.939.075
Phải trả người lao động	314	5.16	357.959.000	691.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	68.827.988	120.158.580
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	-	3.770.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	51.932.038.368	56.871.477.326
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		2.776.473.289	6.882.834.499
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2.776.473.289	6.882.834.499
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VON CHỦ SỞ HỮU	400		314.589.391.490	308.554.452.599
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	314.589.391.490	308.554.452.599
Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.589.391.490	68.554.452.599
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.554.452.599	51.644.537.910
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.034.938.891	16.909.914.689
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		537.731.592.625	438.467.404.077


ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập


ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	802.345.438.436	611.497.370.615
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		802.345.438.436	611.497.370.615
Giá vốn hàng bán	11	6.2	749.216.646.115	576.670.582.359
Lợi nhuận gộp	20		53.128.792.321	34.826.788.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.136.856.747	37.533.647.597
Chi phí tài chính	22	6.4	11.827.320.121	23.892.818.532
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.011.264.093	10.452.326.525
Chi phí bán hàng	24	6.5	15.177.370.850	9.428.906.975
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	18.738.577.590	19.116.579.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		23.522.380.507	19.922.131.114
Thu nhập khác	31	6.7	1.329.890.050	1.993.847.659
Chi phí khác	32	6.8	1.146.371.981	663.450.247
Lợi nhuận khác	40		183.518.069	1.330.397.412
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.705.898.576	21.252.528.526
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	5.670.959.685	4.342.613.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.034.938.891	16.909.914.689
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	751	705


ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập


ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.705.898.576	21.252.528.526
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.852.465.523	14.103.010.709
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.586.434.957	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(8.959.001.188)	(8.115.274.221)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.654.927.473)	(29.845.651.495)
Chi phí lãi vay	06	5.011.264.093	10.452.326.525
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	22.542.134.488	7.846.940.044
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(42.000.113.614)	63.892.931.789
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(50.364.117.622)	24.111.708.864
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	111.510.525.626	(677.597.538.069)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(21.443.157.930)	690.934.948
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.062.594.685)	(10.572.485.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.252.613.837)	(10.769.268.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.930.062.426	(602.396.776.046)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.521.225.818)	(3.145.187.444)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	53.052.272.726	19.699.629.629
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.388.512.000)	(170.008.993.613)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	84.968.576.000	769.564.954.346
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.329.811.037	27.740.642.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.440.921.945	643.851.045.281

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	183.677.755.721	212.368.428.680
Tiền trả nợ gốc vay	34	(186.977.486.107)	(217.693.420.133)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.746.069.782)	(16.152.887.990)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.853.872.500)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.899.672.668)	(33.477.879.443)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	58.471.311.703	7.976.389.792
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	47.065.827.923	39.010.097.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	81.703	79.340.143
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	105.537.221.329	47.065.827.923


ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập


ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (tên tiếng Anh và tên viết tắt là 911 GROUP JSC), tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết Bị Nền Móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240.000.000.000 VND.

Mã chứng khoán: Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là NO1.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng; máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 - Chi nhánh Đồng Nai	Tổ 9, khu phố Tân Cang, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2023.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 43 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 tháng đến 48 tháng.

Chi phí quyền sử dụng thương hiệu

Chi phí quyền sử dụng thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 05
Máy móc và thiết bị	02 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 – 11

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân	Quan hệ
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 13/02/2025)
Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 23/11/2024)
Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 23/11/2024)
Vũ Đức Đạt	Tổng giám đốc (miễn nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 13/02/2025)
Phạm Đình Toàn	Thành viên HĐQT -TGĐ (bổ nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT
Nghiêm Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 06/05/2024)
Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS (miễn nhiệm 22/06/2024)
Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS (bổ nhiệm 22/06/2024)
Lê Thị Loan	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm 30/06/2023)
Trần Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm 22/06/2024)
Lưu Thị Kim Dung	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 22/06/2024)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 30/06/2023)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.258.911.427	7.698.335.234
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.232.520.200	15.579.265.286
Các khoản tương đương tiền (i)	87.045.789.702	23.788.227.403
	105.537.221.329	47.065.827.923

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	8.618,44	218.129.837
	8.618,44	218.129.837

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển. Tại ngày 31/12/2024, Các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 79.105.510.250 VND.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	84.076.975.267	84.076.975.267	96.657.039.267	96.657.039.267
	84.076.975.267	84.076.975.267	96.657.039.267	96.657.039.267

(i) Hợp đồng tiền gửi có kì hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại. Tất cả các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	16.496.363.636	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Bắc Ninh	3.936.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	2.915.116.710	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Trung Thành	1.910.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp PDF Việt Nam	-	6.804.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	4.822.289.640
Các khách hàng khác	11.163.038.898	15.353.192.979
	36.420.519.244	26.979.482.619

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Lonking Việt Nam	9.949.826.235	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Call Me	3.980.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Nga Phú	1.464.000.000	1.230.000.000
Công ty TNHH UFO Việt Nam	1.185.000.000	-
Công ty cổ phần thiết bị 365	150.000.000	7.350.312.998
Shaanitonly Heavy Industries	-	2.727.125.675
Các nhà cung cấp khác	1.510.856.689	3.942.520.416
	20.239.682.924	15.249.959.089

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	15.000.000.000	-	-	-
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	11.648.816.384	-	7.012.773.229	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Thăng Long (i)	1.102.000.000	-	4.417.423.750	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (i)	6.646.418.500	-	175.993.527	-
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (i)	-	-	114.884.001	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm (i)	401.927.536	-	1.117.483.950	-
Tạm ứng nhân viên	2.430.246.672	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.068.223.676	-	1.186.988.001	-
	26.648.816.384	-	7.012.773.229	-

(i) Đây là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thực hiện các hợp đồng vay tại ngân hàng thương mại với giá trị là 7.940.279.452 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ (i)	618.709.500	-	976.696.900	-
	618.709.500	-	976.696.900	-

(i) Đây là các khoản ký cược ký quỹ dài hạn tại các công ty cho thuê tài chính để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê và bên thuê đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty thuê mua tài chính sẽ hoàn trả tiền ký quỹ cho Bên thuê.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.365.917.480	-	1.583.051.955	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	185.185.185	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.629.993.113	-	8.678.631.793	-
Hàng hóa	158.788.513.423	(1.586.434.957)	116.973.437.461	-
	177.784.424.016	(1.586.434.957)	127.420.306.394	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuê văn phòng	120.000.000	-
Chi phí sửa chữa kho bãi	977.458.007	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.688.105	171.122.479
	1.348.146.112	171.122.479

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí quyền sử dụng thương hiệu (*)	20.213.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	313.507.798	275.900.586
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.527.085	-
	20.542.034.883	275.900.586

(*) Thực hiện theo hợp đồng ngày 25/10/2024 và giấy chứng nhận ngày 01/11/2024 về việc sử dụng thương hiệu XCMG trong vòng 5 năm kể từ năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911
Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	1.755.995.390	40.305.141.253	27.009.063.272	424.855.000	422.259.273	69.917.314.188
Mua trong năm	-	4.892.917.102	711.026.909	-	93.600.000	5.697.544.011
Giảm do thanh lý	-	(18.838.439.850)	(4.104.772.727)	-	(255.000.000)	(23.198.212.577)
Tại ngày 31/12/2024	1.755.995.390	26.359.618.505	23.615.317.454	424.855.000	260.859.273	52.416.645.622
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	1.279.522.708	27.446.047.901	13.012.837.281	374.235.898	422.259.273	42.534.903.061
Khấu hao trong năm	290.645.183	4.693.165.127	2.549.321.334	31.088.921	9.402.800	7.573.623.365
Giảm do thanh lý	-	(12.504.802.081)	(4.104.772.727)	-	(255.000.000)	(16.864.574.808)
Tại ngày 31/12/2024	1.570.167.891	19.634.410.947	11.457.385.888	405.324.819	176.662.073	33.243.951.618
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	476.472.682	12.859.093.352	13.996.225.991	50.619.102	-	27.382.411.127
Tại ngày 31/12/2024	185.827.499	6.725.207.558	12.157.931.566	19.530.181	84.197.200	19.172.694.004

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.889.628.070 VND

Tại ngày 31/12/2024, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.401.825.922 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	16.243.959.421	16.243.959.421
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(7.245.454.545)	(7.245.454.545)
Tại ngày 31/12/2024	8.998.504.876	8.998.504.876
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2.478.846.307	2.478.846.307
Khấu hao trong năm	1.268.070.808	1.268.070.808
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.569.936.352)	(2.569.936.352)
Tại ngày 31/12/2024	1.176.980.763	1.176.980.763
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	13.765.113.114	13.765.113.114
Tại ngày 31/12/2024	7.821.524.113	7.821.524.113

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	45.500.000.000	64.395.000	45.564.395.000
Thanh lý, nhượng bán	(45.500.000.000)	-	(45.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	-	64.395.000	64.395.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	-	53.623.650	53.623.650
Khấu hao trong năm	-	10.771.350	10.771.350
Tại ngày 31/12/2024	-	64.395.000	64.395.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	45.500.000.000	10.771.350	45.510.771.350
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 64.395.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.11 Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

	Nhà và Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tồn thất do suy giảm giá trị (*)		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	30.000.000.000	30.000.000.000

Tại ngày 31/12/2024, Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 30.000.000.000 VND.

(*) Bất động sản đầu tư này được Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Ban Tổng Giám đốc đánh giá bất động sản này tại thời điểm ngày 31/12/2024 và đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này không suy giảm giá trị nên Công ty không ước tính tổn thất.

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2024 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.527.009.316	(711.026.909)	815.982.407

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2024 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Xuzhou Construction Machinery Group Im & Ex (XCMG)	90.290.512.298	90.290.512.298	23.555.859.090	23.555.859.090
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Miền Bắc Lonking (Fujian)	16.374.363.636	16.374.363.636	-	-
International Trade Co., Ltd	11.509.889.982	11.509.889.982	-	-
Z-Ton Group Corp	2.299.590.000	2.299.590.000	2.510.462.563	2.510.462.563
Các nhà cung cấp khác	16.333.971.014	16.333.971.014	4.475.873.481	4.475.873.481
	136.808.326.930	136.808.326.930	30.542.195.134	30.542.195.134

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons	14.359.018.900	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	2.095.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Thăng Hải	1.810.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	-	1.648.399.999
CN Công ty TNHH SX TMDV Komarc Games VN	-	1.668.228.000
Ông Đỗ Văn Chức	-	10.000.000.000
Các khách hàng khác	5.687.692.000	11.467.718.865
	23.951.710.900	24.784.346.864

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phát sinh trong năm		31/12/2024
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ được khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.178.739.806	65.279.063.883	64.916.069.072	1.541.734.617
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	31.097.297.245	31.097.297.245	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.188.158	32.188.158	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.242.613.837	5.670.959.685	5.252.613.837	4.660.959.685
Thuế thu nhập cá nhân	829.585.432	1.680.805.473	1.466.220.547	1.044.170.358
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	6.250.939.075	103.764.314.444	102.768.388.859	7.246.864.660

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.705.898.576	21.252.528.526
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.648.899.849	460.540.660
Chi phí không được trừ	4.648.981.552	539.880.803
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	3.062.546.595	539.880.803
Các khoản điều chỉnh giảm	1.586.434.957	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	(81.703)	(79.340.143)
Thu nhập chịu thuế	(81.703)	(79.340.143)
Thu nhập tính thuế	28.354.798.425	21.713.069.186
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.670.959.685	4.342.613.837

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

5.16 Phải trả người lao động

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền lương phải trả	357.959.000	691.000.000
	357.959.000	691.000.000

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	68.827.988	120.158.580
	68.827.988	120.158.580

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	3.520.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	250.000.000
	-	3.770.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	48.330.578.247	48.330.578.247	49.513.512.017	49.513.512.017
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	12.525.621.496	12.525.621.496	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển (2)	35.804.956.751	35.804.956.751	18.676.445.650	18.676.445.650
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	1.138.250.772	1.138.250.772
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	12.906.815.595	12.906.815.595
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	16.792.000.000	16.792.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.601.460.121	3.601.460.121	7.357.965.309	7.357.965.309
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.605.175.008	1.605.175.008	1.605.175.008	1.605.175.008
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	340.810.821	340.810.821
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội	1.996.285.113	1.996.285.113	3.387.504.480	3.387.504.480
Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	1.060.875.000	1.060.875.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease - CN Hà Nội	-	-	963.600.000	963.600.000
	51.932.038.368	51.932.038.368	56.871.477.326	56.871.477.326

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2024 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.513.512.017	183.677.755.721	-	(184.860.689.491)	48.330.578.247
Vay dài hạn đến hạn trả	7.357.965.309	-	3.913.757.733	(7.670.262.921)	3.601.460.121
	56.871.477.326	183.677.755.721	3.913.757.733	(192.530.952.412)	51.932.038.368

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.776.473.289	2.776.473.289	6.882.834.499	6.882.834.499
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	1.348.014.561	1.348.014.561	2.953.189.569	2.953.189.569
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	170.810.787	170.810.787
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (4)	1.428.458.728	1.428.458.728	3.737.041.453	3.737.041.453
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease - CN Hà Nội	-	-	21.792.690	21.792.690
	2.776.473.289	2.776.473.289	6.882.834.499	6.882.834.499

Tổng nợ thuê tài chính đã thanh toán như sau:

	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Năm 2024		
Tiền gốc đã trả	5.746.069.782	5.746.069.782
Lãi thuê đã trả	618.341.230	618.341.230
Nợ thuê tài chính phải trả	6.364.411.012	6.364.411.012
Năm 2023		
Tiền gốc đã trả	16.152.887.990	16.152.887.990
Lãi thuê đã trả	1.293.554.919	1.293.554.919
Nợ thuê tài chính phải trả	17.446.442.909	17.446.442.909

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2024 VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	31/12/2024 VND
Vay dài hạn ngân hàng	3.124.000.356	(170.810.787)	(1.605.175.008)	1.348.014.561
Nợ thuê tài chính	3.758.834.143	(21.792.690)	(2.308.582.725)	1.428.458.728
	6.882.834.499	(192.603.477)	(3.913.757.733)	2.776.473.289

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuyết minh chi tiết các khoản vay, nợ thuê tài chính:

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 198/2024/HDTD/TTKD HKM ngày 29 tháng 05 năm 2024 từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Hạn mức vay: 250.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại máy công trình, xe/máy chuyên dụng của khách hàng.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.
Lãi suất vay: Theo thỏa thuận của các giấy nhận nợ, khế ước.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp bằng tài sản của công ty gồm các xe ô tô.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 215.032/24/DN ngày 15 tháng 04 năm 2024 từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Hạn mức vay: 70.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C, phát hành bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn).
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
Lãi suất vay: Theo thỏa thuận của các giấy nhận nợ, khế ước.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 63, 64, tờ bản đồ 34 tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(3) Là khoản vay theo các hợp đồng cho vay số 244/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 30/09/2022, số 208/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 14/09/2022, số 277/2023/HDTD/TTKD HKM ngày 04/10/2023 và số 248/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 04/10/2022 từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Hạn mức vay: 6.420.700.000 VND.
Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh.
Thời hạn vay: 48 tháng.
Lãi suất vay: 10% - 12,45%/năm.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.2023/HĐCTTC-911 ngày 15/02/2023 từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội:

Mục đích vay: Ô tô bơm bê tông hiệu HUYNDAI.
Số tiền cho thuê: 4.542.697.500 VND.
Lãi suất vay: Bơm bê tông.
Hình thức đảm bảo: 24 tháng.

Là khoản vay theo hợp đồng cho thuê tài chính số 14.1223/HĐCTTC-911 ngày 21/12/2023 từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội

Mục đích vay: Ô tô bơm bê tông hiệu MERCEDES-BENZ.
Số tiền cho thuê: 4.285.360.000 VND.
Lãi suất vay: Bơm bê tông.
Hình thức đảm bảo: 24 tháng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2023			
Tại ngày 01/01/2023	240.000.000.000	63.644.537.910	303.644.537.910
Lãi trong năm	-	16.909.914.689	16.909.914.689
Trả cổ tức	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	240.000.000.000	68.554.452.599	308.554.452.599
Năm 2024			
Tại ngày 01/01/2024	240.000.000.000	68.554.452.599	308.554.452.599
Lãi trong năm	-	18.034.938.891	18.034.938.891
Trả cổ tức	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	240.000.000.000	74.589.391.490	314.589.391.490

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Lưu Đình Tuấn	50.000.000.000	20,83%	50.000.000.000	20,83%
Ông Nguyễn Xuân Thanh	22.809.110.000	9,50%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Hải	17.479.000.000	7,28%	-	0,00%
Ông Nguyễn Mạnh Hải	13.505.000.000	5,63%	-	0,00%
Mirae Asset Daewoo Co.,Ltd	12.949.000.000	5,40%	-	0,00%
Các cổ đông khác	123.257.890.000	51,36%	190.000.000.000	79,17%
	240.000.000.000	100%	240.000.000.000	100%

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT-911 ngày 22 tháng 06 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận. Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông: VND
12.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại		
	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	8.618,44	9.066,21

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	799.512.249.691	606.951.150.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.833.188.745	4.546.220.542
	802.345.438.436	611.497.370.615

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng bán	742.193.960.583	566.641.576.940
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.436.250.575	10.029.005.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.586.434.957	-
	749.216.646.115	576.670.582.359

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	6.329.811.037	28.233.438.040
Lãi chênh lệch tỷ giá	853.402.192	1.184.935.336
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.953.643.518	8.115.274.221
	16.136.856.747	37.533.647.597

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	5.011.264.093	10.452.326.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.816.056.028	13.440.492.007
	11.827.320.121	23.892.818.532

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	8.715.972.000	6.299.679.000
Chi phí nguyên vật liệu	366.368.666	202.989.028
Chi phí khấu hao	550.232.700	551.232.700
Chi phí bảo hành	844.462.481	638.252.547
Chi phí dịch vụ	4.236.352.195	1.670.889.093
Chi phí bằng tiền khác	463.982.808	65.864.607
	15.177.370.850	9.428.906.975

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	4.459.219.926	4.901.916.633
Chi phí nguyên vật liệu	413.409.648	968.293.379
Chi phí khấu hao	1.942.687.311	1.746.799.119
Thuế, phí, lệ phí	2.662.989.414	2.887.088.765
Chi phí dịch vụ	7.661.176.018	8.592.491.236
Chi phí bằng tiền khác	1.599.095.273	19.990.100
	18.738.577.590	19.116.579.232

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.325.116.436	1.612.213.455
Thu nhập do thanh toán chậm hợp đồng	-	374.351.700
Thu nhập khác	4.773.614	7.282.504
	1.329.890.050	1.993.847.659

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phạt vi phạm hành chính chậm nộp thuế	559.915.654	73.425.619
Chi phí khấu hao không phù hợp với doanh thu	467.712.498	466.434.595
Chi phí phạt do chậm bàn giao hàng hóa	-	123.569.444
Chi phí khác	118.743.829	20.589
	1.146.371.981	663.450.247

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.034.938.891	16.909.914.689
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.034.938.891	16.909.914.689
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	751	705

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.175.191.926	11.201.595.633
Chi phí nhân công	732.360.009.866	479.201.138.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.384.753.025	12.397.623.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.917.328.625	75.745.039.622
Chi phí khác	5.072.993.778	3.025.396.705
	831.910.277.220	581.570.794.297

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị các khoản tiền và tương đương tiền (i)	87.045.789.702	23.788.227.403

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển. Các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 79.105.510.250 VND.

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	183.677.755.721	212.368.428.680

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(186.977.486.107)	(217.693.420.133)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(5.746.069.782)	(16.152.887.990)
	(192.723.555.889)	(233.846.308.123)

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.537.221.329	-	105.537.221.329
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	84.076.975.267	-	84.076.975.267
Phải thu khách hàng	36.420.519.244	-	36.420.519.244
Phải thu khác	9.218.569.712	618.709.500	9.837.279.212
	235.253.285.552	618.709.500	235.871.995.052
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.065.827.923	-	47.065.827.923
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.657.039.267	-	96.657.039.267
Phải thu khách hàng	26.979.482.619	-	26.979.482.619
Phải thu khác	7.012.773.229	976.696.900	7.989.470.129
	177.715.123.038	976.696.900	178.691.819.938

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong kỳ Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và không có phát sinh giao dịch của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 13/02/2025)	80.500.000	-
Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 23/11/2024)	1.176.241.000	352.001.000
Vũ Đức Đạt	Tổng giám đốc (miễn nhiệm 12/04/2024)	105.000.000	394.804.000
Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 13/02/2025)	125.269.000	304.069.000
Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT - TGĐ (bổ nhiệm 12/04/2024)	527.059.000	445.643.500
Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT	754.736.000	606.723.000
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT	199.538.000	199.710.000
Nghiêm Đức Thuần	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 12/04/2024)	446.098.000	-
Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 06/05/2024)	341.029.000	-
Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS (miễn nhiệm 22/06/2024)	116.500.000	376.730.500
Lê Thị Loan	TV BKS (bổ nhiệm 30/06/2023)	20.770.000	-
		3.892.740.000	2.679.681.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác:

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn máy móc thiết bị và Công ty chỉ tập trung hoạt động ở Việt Nam, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận, nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9.5 Thông tin khác

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2024/NQ-HĐQT-911 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô và dịch vụ cho thuê pin với công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast với giá trị hợp đồng là 44.999.683.824 VND và đã bắt đầu thực hiện trong quý IV năm 2024.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2025/NQ-HĐQT-911 ngày 14 tháng 01 năm 2025, Công ty đã góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND, trong đó công ty góp là 13.000.000.000 VND (chiếm 65% vốn điều lệ).


ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập


ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội ngày 28 tháng 03 năm 2025



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Mạnh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911



Add: C14, HH04, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội



Tel: (+84) 944 911 911



Email: info@911group.com.vn



Website: <https://911group.com.vn/>